TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:19/2023/DS - ST.
Ngày: 30 - 3 - 2023.
V/v "tranh chấp hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Hoàng Tha.

2. Bà Nguyễn Phương Nhi.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Gia Mẫn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Chí Điều - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2022/TLST - DS, ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST - DS, ngày 01 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1960; địa chỉ: Ấp Phụng T, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Lâm Thị P, sinh năm: 1972; địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 07/6/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Vào ngày 09/12/2007 âm lịch bà Nguyễn Thị L làm chủ hụi mở một dây hụi giá 500.000 đồng, gồm có 20 phần hụi, 01 tháng mở hụi 01 lần vào ngày 09, hụi có lãi và mỗi kỳ mở hụi bà L được hưởng hoa hồng là 100.000 đồng, bà Lâm Thị P tham gia 01 phần hụi đến ngày 09/12/2008 âm lịch bà P hốt hụi, sau khi hốt hụi bà P đã đóng được 18 lần còn 02 lần hụi chết không đóng. Tổng số tiền 02 lần hụi chết là 1.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị L yêu cầu bà P hoàn trả số tiền nợ hụi là 1.000.000 đồng.

- Đối với bị đơn bà Lâm Thị P: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà P, nhưng bà P không có ý

kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà P để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên toà, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 30, Điều 31 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền hụi là 1.000.000 đồng. Bị đơn Lâm Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 07/6/2022 nguyên đơn bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hụi với bị đơn là bà Lâm Thị P. Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Trong vụ án, bị đơn Lâm Thị P hiện cư trú tại ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn bà Lâm Thị P từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà P nhưng bà P không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà P hai lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà P vẫn vắng mặt không lý do.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng không lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn bà Lâm Thị P.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được, tại biên bản ghi lời

khai ngày 11/7/2012 của bà Lâm Thị P, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng tại Cơ quan Điều tra Công an huyện P đã thừa nhận: Bị đơn Lâm Thị P có tham gia chơi hụi do nguyên đơn Nguyễn Thị L làm chủ hụi và bà P là hụi viên, cụ thể là dây hụi khui ngày 09/12/2007 âm lịch, loại hụi tháng với mức hụi 500.000 đồng, có 20 phần hụi, bà P tham gia 01 phần đứng tên hụi viên là "chị P" và đã hốt. Đồng thời tại bản án số 01/2013/HSST ngày 04/01/2013 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú đã xác định: Dây hụi tháng 500.000 đồng, khui ngày 09/12/2007 âm lịch, có 20 phần, đã hốt 18 phần, bà Lâm Thị P tham gia 01 phần đã hốt kỳ 13, ra lời 140.000 đồng, còn nợ lại bà L1.000.000 đồng. Mặc khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà Lâm Thị P biết nhưng bà P không có ý kiến phản đối gì. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tình tiết nêu trên là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án, nên Hội đồng xét xử khẳng định bị đơn bà Lâm Thị P có tham gia hợp đồng góp hụi do nguyên đơn bà Nguyễn Thị L làm chủ hụi cụ thể là dây hụi khui ngày 09/12/2007 âm lịch, loại hụi tháng với mức hụi 500.000 đồng, có 20 phần hụi, bà P tham gia 01 phần đứng tên hụi viên là "chị P", đã hốt và còn nợ lại nguyên đơn 1.000.000 đồng nên việc bà L yêu cầu bà P hoàn trả số tiền hụi là 1.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[6] Xét về hợp đồng góp hụi giữa bà L và bà P thì tại thời điểm hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, các bên tự nguyện giao kết hợp đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 122, Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 7; Điều 8; Điều 20; Điều 25; Điều 30 và Điều 31 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường nên các bên phải thực hiện đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận. Sau khi bà P hốt hụi thì bà P không đóng lại tiền hụi chết đầy đủ cho bà L, do đó bà P đã vi phạm thỏa thuận nên việc bà L yêu cầu bà P hoàn trả số tiền hụi là 1.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra, khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà P phải trả lãi cho bà L theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn bà Lâm Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 122 và Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 7, Điều 8, Điều 20, Điều 25, Điều 30 và Điều 31 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

[1] Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. Buộc bị đơn bà Lâm Thị P có nghĩa vụ hoàn trả cho bà L số tiền hụi còn nợ là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Lâm Thị P phải trả lãi cho bà Nguyễn Thị L theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Lâm Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền giao kết thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Ánh